

Bản án số: 173/2019/DS-PT.
Ngày: 12 - 11- 2019.
V/v “Tranh chấp về đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Phong

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tám - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 156/2019/TLPT-DS ngày 06/9/2019 về việc “Tranh chấp về đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 200/2019/QĐ-PT ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim Ng**, sinh năm 1955.

Địa chỉ liên lạc: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Thanh C, sinh năm 1955.

Địa chỉ liên lạc: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 09/5/2019).

- Bị đơn: 1. Bà **Mai Xuân L**, sinh năm 1977.

2. Ông **Nguyễn Đông Ch**, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Đông Ch, sinh năm 1973 (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: xã P, huyện B, Thành phố H.

2. Ông Trần Thanh C, sinh năm 1955

Địa chỉ liên lạc: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đông Ch và bà Mai Xuân L - Bị đơn.

Viện kiểm sát kháng nghị: Không.

(Bà N, ông Ch, ông C, có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2018, được bổ sung ngày 24/01/2019, bản tự khai ngày 29/3/2018, các lời khai của bà Nguyễn Kim Ng và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày:

Bà với ông Trần Thanh C là vợ chồng với nhau, còn ông Nguyễn Đông Ch là cháu gọi bà là cô.

Vào năm 2017, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N với giá 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu) đồng, khi thanh toán tiền bà còn giữ lại 480.000.000 đồng. Trước đó, bà Ng biết bà N có thiếu nợ vợ chồng bà L, ông Ch nên ông Ch, bà L đề nghị bà giữ lại số tiền 450.000.000 đồng để đưa cho ông, bà nhằm cản trừ nợ của bà N. Do là cô, cháu với nhau nên bà đồng ý. Vào ngày 10/8/2017, ông Ch trực tiếp đến nhà vợ chồng ông, bà để nhận tiền, nhưng khi viết giấy nhận tiền thì ông Ch ghi tên người nhận là bà Mai Xuân L. Khi giao tiền không có mặt bà L nhưng bà L biết rõ việc này. Giấy nhận tiền do ông Ch viết tại nhà của vợ chồng ông, bà. Việc ông Ch khai không viết giấy đưa cho bà Ng là không đúng.

Khi đưa tiền cho vợ chồng ông Ch, bà không hỏi ý kiến của bà N nên khi biết sự việc bà N đã khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện C và đã buộc bà Ng trả cho bà N số tiền còn nợ trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 420.000.000 đồng (đã trừ đi tiền làm thủ tục chuyển nhượng, đo đạc cắm mốc và diện tích đất còn thiếu) theo biên bản hòa giải ngày 23/10/2018 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2018/QĐST-DS ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bà Ng yêu cầu vợ chồng bà Mai Xuân L và ông Nguyễn Đông Ch trả lại cho vợ chồng ông số tiền là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng do ông Ch nhận ngày 10/8/2017.

- Tại bản tự khai ngày 10/8/2018, các lời khai bị đơn ông Nguyễn Đông Ch cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Xuân L, trình bày:

Vợ, chồng ông không đồng ý thanh toán số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng như yêu cầu của bà Ng vì vợ chồng ông không nhận

khoản tiền nào bà do Ng đưa. Từ trước đến giờ, vợ chồng ông với gia đình bà Ngọc không có quan hệ làm ăn hay vay tài sản với nhau.

Vợ chồng ông có cho bà Nguyễn Thị N vay 450.000.000 đồng. Vào khoảng tháng 8/2017, bà N gọi điện thoại đến nhà bà Nở để lấy tiền. Ông một mình đến nhà bà N để nhận tiền và chỉ nhận 365.000.000 đồng, còn lại 85.000.000 đồng, ông đã giảm bớt cho bà N vì bà N đang gặp khó khăn. Ông có viết sẵn tờ giấy nhận tiền đề ngày 10/8/2017 khi đến nhà bà N. Giấy nhận tiền này, ông không hiểu vì sao mà bà Ng có để nộp cho Tòa án và khởi kiện đối với vợ chồng ông để đòi số tiền 450.000.000 đồng.

Theo lời khai của bà N vào ngày 01/11/2018, đã khai: "... Bà Ng là bà con của bà L, ông Ch, vì muốn bảo vệ quyền lợi cho nhau nên bà Ng đã lấy số tiền 450.000.000 đồng còn nợ bà để giao cho bà L, ông Ch mà chưa có sự đồng ý của bà. Đến hạn trả nợ mà bà Ng không trả số tiền 480.000.000 đồng nên bà khởi kiện bà Ng... và hiện tại còn nợ bà L, ông Ch". Lời khai của bà N, ông không có ý kiến gì.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết có mặt bà N, để các bên đối chất với nhau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2018, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà có vay vợ chồng bà L số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, bà không nhớ rõ thời gian vay và lãi suất đã trả là bao nhiêu nhưng số tiền lãi đã trả hơn 300.000.000 đồng. Khi vay, bà có viết giấy vay tiền nhưng bà không lưu giữ và chưa thanh toán tiền gốc cho bà L, ông Ch.

Do làm ăn bị thua lỗ và nợ nần nhiều người nên vào năm 2017, bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Nguyễn Kim Ng, để thanh toán nợ. Giá chuyển nhượng là 3.500.000.000 đồng, bà Ng còn nợ lại số tiền 480.000.000 đồng. Bà Ng không trả trực tiếp cho bà mà thông qua người khác để thỏa thuận trả cho các chủ nợ trong đó có vợ chồng bà L. Theo thỏa thuận thì tỉ lệ bà thanh toán nợ cho bà L, ông Ch là 365.000.000 đồng, còn lại là xóa nợ. Bà Ng là bà con của bà L, ông Ch, vì muốn bảo vệ quyền lợi cho nhau nên bà Ng đã lấy số tiền 450.000.000 đồng còn nợ bà để giao cho bà L, ông Ch mà chưa có sự đồng ý của bà.

Đến hạn trả nợ mà bà Ng không trả số tiền 480.000.000 đồng nên bà khởi kiện bà Ng. Lúc này, bà Ng có đưa bà xem giấy đã trả nợ thay cho bà L số tiền 450.000.000 đồng. Bà không đồng ý vì xâm phạm quyền lợi của bà, bà Ng đã tự ý trả nợ thì bà Ng tự chịu trách nhiệm. Bà L cũng đã thừa nhận với bà là bà Ng đã trả thay số nợ 450.000.000 đồng. Hiện tại bà vẫn còn nợ bà L, ông Ch số tiền này và không đồng ý việc cản trừ nợ, bà đề nghị vắng mặt các buổi làm việc.

2. Tại bản tự khai ngày 29/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C trình bày:

Vào ngày 10/8/2017, ông Ch có đến nhà vợ chồng ông nói chuyện việc bà N mượn số tiền 450.000.000 đồng và đề nghị bà Ng cần trừ vào tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà N. Vì là họ hàng với nhau nên bà Ng đồng ý đưa tiền cho ông Ch tại nhà vợ chồng ông. Tháng 12/2017, bà Nở đã khởi kiện bà Ng để đòi lại số tiền 450.000.000 đồng đã trả cho vợ chồng bà L. Ông có báo cho vợ chồng bà L biết nhưng ông, bà bảo cứ việc khởi kiện đến Tòa án.

Ngày 30/3/2018, ông có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt, tại phiên tòa ông tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 184, 266, 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 149, 150, khoản 2 Điều 155, khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Ng đối với bà Mai Xuân L, ông Nguyễn Đông Ch về việc: “Tranh chấp về đòi lại tài sản”.

Buộc bà Mai Xuân L và ông Nguyễn Đông Ch phải trả lại cho bà Nguyễn Kim Ng và ông Trần Thanh Ch số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

Về án phí: Ông Chí, bà Loan phải chịu 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 11.000.000 (mười một triệu) đồng đã nộp theo biên lai số 004166 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm chậm thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/6/2019, ông Nguyễn Đông Ch, bà Mai Xuân L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về đề xuất giải quyết vụ án: Kháng cáo của ông Nguyễn Đông Ch và bà Mai Xuân L trong thời hạn luật định, nên xem xét theo quy định pháp luật.

Án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Ng buộc bà Mai Xuân L và ông Nguyễn Đông Ch trả số tiền 450.000.000đ là không có cơ sở, vì thực tế ông Ch chỉ nhận số tiền 365.000.000 đồng, bà Ng cũng thừa nhận đưa 365.000.000 đồng. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc trả số tiền 365.000.000 đồng và án phí, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đông Ch và bà Mai Xuân L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đông Ch, bà Mai Xuân L kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật và tư cách đương sự là đúng quy định; Tại phần đầu lại xác định về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không đúng và không chính xác, bản án sơ thẩm không đúng mẫu số 52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên cần phải rút kinh nghiệm.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Kim Ng khởi kiện yêu cầu bà Mai Xuân L và ông Nguyễn Đông Ch phải trả lại số tiền 450.000.000 đồng do ông Ch nhận ngày 10/8/2017.

Ông Ch không thừa nhận có nhận của bà Ng số tiền 450.000.000 đồng mà do bà N trả cho vợ chồng ông số nợ đã vay là 450.000.000 đồng nhưng ông khai chỉ nhận 365.000.000 đồng, ông thừa nhận đã viết tờ giấy nhận tiền ngày 10/8/2017 và chữ ký trong tờ giấy là của bà L vợ ông để giao cho bà N và tờ giấy này do bà Ng nộp cho Tòa án là đúng. Vợ chồng ông với vợ chồng bà Ng không có quan hệ làm ăn hay vay nợ gì với nhau.

Lời khai của bà N thừa nhận có vay của vợ chồng ông Ch số tiền 450.000.000 đồng và chưa thanh toán số tiền này, bà L cũng thừa nhận với bà là bà Ngọc đã thanh toán nợ thay cho bà. Quá trình giải quyết tranh chấp giữa bà với bà Ng theo biên bản hòa giải ngày 23/10/2018 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2018/QĐST-DS ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện, bà Ng phải thanh toán cho bà số tiền 420.000.000 đồng, đã trừ đi tiền làm thủ tục chuyển nhượng, đo đạc cắm mốc và diện tích đất còn thiếu. Việc ông Ch nhận số tiền 450.000.000 đồng từ bà Ng là có thật, đây cũng không phải là khoản tiền nợ nần hay làm ăn gì với nhau giữa các bên mà là số tiền do bà Ng tự ý thanh toán nợ thay cho bà nhưng chưa được sự đồng ý của bà.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Ng thừa nhận chỉ đưa cho bà L, ông Ch số tiền 365.000.000 đồng và ông Ch chỉ

nhận số tiền 365.000.000 đồng. Kháng cáo của ông Ch, bà L đối với khoản tiền phải trả lại cho bà Ng là có cơ sở, nên chấp nhận sửa một phần bản án sơ thẩm

[3] Về án phí: Ông Ch, bà L phải chịu 18.250.000 đồng (mười tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Kim Ng phải chịu 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, được tính trừ vào số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Ng đã nộp, hoàn trả cho bà Ng số tiền còn lại là 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đông Ch và bà Mai Xuân L sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Áp dụng Điều 149, Điều 150, khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Ng về Tranh chấp về đòi lại sản đối với bị đơn bà Mai Xuân L và ông Nguyễn Đông Ch.

Buộc bà Mai Xuân L và ông Nguyễn Đông Ch phải trả lại cho bà Nguyễn Kim Ng 365.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Kim Ng phải chịu 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), được tính trừ số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Ng đã nộp tại biên lai số 004166 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, hoàn trả cho bà Ng số tiền còn lại là 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Đông Ch, bà Mai Xuân L phải chịu 18.250.000 đồng (mười tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm ông Ch nộp tại biên lai số 004965 ngày 03/7/2019 được tính trừ án phí dân sự sơ thẩm ông Ch, bà L phải chịu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Long Châu